TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 24/01/2018
V/v: Ly hôn, nuôi con sau ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH

- Với thành phần Hội đồng xút xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Bình
Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Lưu Danh Sử.
- Ông Nguyễn Văn Phiếu.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh, Thẩm tra viên - Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngần - Kiểm sát viên.

Ngày 24/01/2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 279/2017/TLST-HNGĐ ngày 10/11/2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐST-HNGĐ ngày 08/01/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: anh Đào Trung K, sinh năm 1974; Trú tại: thôn N, xã C, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: chị Nguyễn Thị Hà A, sinh năm 1983; Nơi ĐKNKTT: thôn C, xã V, huyện N, tỉnh Ninh Bình; (Hiện đang chấp hành án tại: Trại giam Bình Điền, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế).

Các đương sự xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình cung cấp chứng cứ, Nguyên đơn anh Đào Trung K trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Anh và cô Nguyễn Thị Hà A là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn ngày 18/10/2001 tại UBND xã Văn Phong, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Quá trình chung sống vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do không hợp nhau về mọi mặt, bản thân cô Hà A sa vào tệ nạn xã hội và bị bắt thi hành án tại Trại giam Bình Điền từ năm 2005, vợ chồng anh ly thân từ đó đến nay. Anh xét thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hà A.

* Về con chung: Anh xác định vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Đào Trung H sinh 18/7/2002, hiện cháu ở với anh. Ly hôn anh xin tiếp tục nuôi cháu và không yêu cầu cô Hà A cấp dưỡng nuôi con chung.

* Về tài sản chung, công nợ chung: Anh xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, Bị đơn chị Nguyễn Thị Hà A trình bày:

Chị xác định thời điểm kết hôn và chung sống như anh K trình bày là đúng. Do chị bị bắt và đang chấp hành án từ năm 2006 đến nay, vì vậy chị và anh K ly thân từ đó, nay anh K xin ly hôn chị hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Chị cũng xác định có 01 con chung là cháu Đào Trung H sinh 18/7/2002, hiện cháu ở với anh K, do chị đang chấp hành án nên không có điều kiện nuôi dưỡng cháu, chị đồng ý cho anh K tiếp tục nuôi cháu H.

Về công nợ chung và tài sản chung: chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N có quan điểm*:**

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:*

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: do bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã V, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Toà án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Việc thụ lý vụ án đúng quy định của pháp luật.

- Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách tố tụng trong vụ án đầy đủ, chính xác.

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 203 BLTTDS, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo về hình thức, nội dung.

- Thời hạn gửi hồ sơ, văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát đảm bảo quy định của pháp luật, việc tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự thực hiện đúng quy định của BLTTDS.

- Việc giao nộp tài liệu chứng cứ: thực hiện đúng các quy định tại Điều 96 BLTTDS, các tài liệu là bản sao đều có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.

** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa:*

- Phiên tòa hôm nay diễn ra theo thời gian với thành phần Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đúng như trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

- Tại phiên toà hôm nay Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của BLTTDS.

2. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

- Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 BLTTDS.

- Bị đơn thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 72 BLTTDS.

+ Về đường lối giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 5, 147, 227, 228, 266, 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và xử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đào Trung K. Xử cho anh Đào Trung K ly hôn với chị Nguyễn Thị Hà A. Về con chung giao cháu Đào Trung H sinh 18/7/2002 hiện cháu đang ở với anh K cho anh K chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Chị Hà A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí anh K nộp toàn bộ án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, xét thấy:

[1]. Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ như sổ hộ khẩu, chứng minh thư, xác nhận của ủy ban nhân dân xã V đều xác nhận chị Nguyễn Thị Hà A là bị đơn có hộ khẩu tại Thôn C, xã V, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Vì vậy theo điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án huyện N thụ lý và giải quyết vụ án này là có căn cứ pháp luật.

- Về sự vắng mặt của các đương sự: các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh K, chị Hà A.

[2]. Về nội dụng khởi kiện: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đương sự cung cấp và Tòa thu thập được, thấy rằng:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đào Trung K và chị Nguyễn Thị Hà A là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn ngày 18/10/2001 tại UBND xã V, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Quá trình chung sống giữa anh K và chị A phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, Chị Hà A bỏ nhà đi từ năm 2005, chị Hà A vào thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế và bị bắt thi hành án phạt tù đến nay. Từ đó anh chị sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Điều này chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa anh K và chị Hà A chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Như vậy, việc yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn của anh Đào Trung K là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Các đương sự đều xác định có 01 con chung là cháu Đào Trung H, sinh 18/7/2002. Từ năm 2005 cháu H ở với anh K, nếu ly hôn anh K nhận tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu cho đến khi cháu trưởng thành và tự lập được. Chị A cũng đồng ý để anh K nuôi cháu H, và chị A không cấp dưỡng nuôi con cùng anh K vì chị đang chấp hành án phạt tù. Tòa án tiến hành lấy lời khai của cháu H cháu cũng xin được ở với bố. Như vậy việc giao cháu Đào Trung H cho anh K nuôi dưỡng là cần thiết, đảm bảo điều kiện tốt nhất về cả tinh thần và vật chất cho việc nuôi dưỡng cháu H trưởng thành; về nghĩa vụ đóng góp nuôi con chung anh K không yêu cầu chị Hà A cấp dưỡng nuôi con chung, mặt khác chị Hà A đang chấp hành án nên không có điều kiện là phù hợp với các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung, công nợ chung: các đương sự xác định không có nên không đặt ra việc giải quyết.

[3]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh K phải nộp cả theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 28, 147, 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng các điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Toà án.

1. Xử ly hôn giữa anh Đào Trung K và chị Nguyễn Thị Hà A.

2. Về con chung: Giao cháu Đào Trung H sinh 18/7/2002 hiện cháu đang ở với anh K cho anh K chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Chị Hà A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: anh Kiên và chị Hà A xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí ly hôn sơ thẩm anh K phải nộp là 300.000đ. Được trừ vào số tiền tiền tạm ứng án phí anh K đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0000645 ngày 10/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

Anh K và chị Hà A được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi gửi:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã C;
- UBND xã V;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)
Nguyễn Ngọc Bình